**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA 8 ( KÌ 2)**

**Câu 1.** Nhóm đất nào dưới đây chiếm tỉ trọng lớn nhất ở nước ta?

A. Đất feralit. B. Đất mặn, phèn. C. Đất phù sa. D. Đất mùn núi cao.

**Câu 2.** Nhóm đất mùn núi cao phân bố chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

A. Vùng đồng bằng. B. Vùng trung du. C. Vùng miền núi cao. D. Vùng ven biển

**Câu 3.** Đất tơi xốp giữ nước tốt thích hợp nhất với loại cây nào dưới đây?

A. Lâm nghiệp. B. Cây ăn quả. C. Công nghiệp. D. Lương thực.

**Câu 4.** Nhóm đất phù sa sông và biển phân bố ở

A. vùng đồi núi. B. các cao nguyên. C. vùng núi cao. D. các đồng bằng.

**Câu 5.** Đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây của nước ta?

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải miền Trung

C. Đồng bằng Thanh Hóa. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 6.** Ở nước ta, loại đất feralit trên đá badan phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Tây Bắc. B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 7.** Nhóm đất phù sa có đặc điểm nào sau đây?

A. Lớp vỏ phong hoá dày, đất thoáng khí. B. Có chứa nhiều ôxít sắt và ôxít nhôm.

C. Đất chua, nghèo các chất badơ và mùn. D. Đất có độ phì cao, rất giàu dinh dưỡng.

**Câu 8.** Ở các rừng ngập mặn ven biển, các bãi triều ngập nước và ở cửa sông lớn thuận lợi cho việc

A. đánh bắt thủy sản. B. nuôi trồng thủy sản.

C. trồng cây lâu năm. D. trồng cây lúa nước.

**Câu 9.** Trong lâm nghiệp, đất feralit thích hợp để

A. rừng sản xuất. B. rừng phòng hộ. C. rừng đặc dụng. D. vườn quốc gia.

**Câu 10.** Đất feralit hình thành trên loại đá nào sau đây ở nước ta giàu chất dinh dưỡng và tơi xốp?

A. Badan. B. Đá vôi. C. Đá ong. D. Granit.

**Câu 11.** Đặc điểm chung của đất phù sa là

A. tầng đất dày, phì nhiêu. B. tầng đất mỏng, bị chua.

C. nghèo chất dinh dưỡng. D. phì nhiêu, nhiều cát.

**Câu 12.** Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thoái hóa đất ở Việt Nam?

A. Việt Nam có 3/4 diện tích đồi núi, có độ dốc cao.

B. Hạn chế sử dụng phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp.

C. Biến đổi khí hậu làm gia tăng tình trạng hạn hán, ngập lụt.

D. Nạn phá rừng để lấy gỗ, đốt nương làm rẫy.

**Câu 13.** Để giảm thiểu tình trạng thoái hóa đất, chúng ta **không nên**áp dụng biện pháp nào sau đây?

A. Lạm dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học.

B. Trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

C. Củng cố và hoàn thiện hệ thống các đê ven biển.

D. Bổ sung các chất hữu cơ cho đất.

**Câu 14.** Nhiệt độ trung bình năm của nước ta có xu hướng biến động mạnh do tác động của

A. biến đổi khí hậu. B. nước biển dâng. C. thời tiết cực đoan. D. thủng tầng ô-dôn.

**Câu 15.** Biến đổi khí hậu làm cho nhiệt độ trung bình năm có xu thế tăng

A. các tỉnh ở phía Nam. B. trên phạm vi cả nước.

C. các tỉnh ở phía Bắc. D. các tỉnh ở gần ven biển.

**Câu 16.**Biến đổi khí hậu có tác động như thế nào đối với thủy văn của Việt Nam?

A. Các yếu tố: nhiệt độ, lượng mưa có sự biến động trên cả nước.

B. Nhiệt độ trung bình năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước.

C. Gia tăng sự chênh lệch lưu lượng nước giữa mùa lũ và mùa cạn.

D. Tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan (mưa lớn, bão, rét đậm,…).

**Câu 17.** Vào mùa lũ, ở đồng bằng xảy ra thiên tai chủ yếu nào sau đây?

A. Ngập lụt. B. Lũ quét. C. Động đất. D. Hạn hán.

**Câu 18.** Vào mùa mưa lũ, thiên tai nào thường xảy ra ở khu vực miền núi của Việt Nam?

A. Hạn hán. B. Ngập lụt. C. Lũ quét. D. Động đất.

**Câu 19.**Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động của biến đổi khí hậu đối với hồ, đầm, nước ngầm?

A. Nhiều hồ, đầm đầy nước; nguồn nước ngầm nhiều.

B. Nguồn nước ngầm hạ thấp, khả năng khô hạn lớn.

C. Các hồ, đầm cạn nước không thể khôi phục được.

D. Mực nước các hồ đầm và nước ngầm xuống thấp.

**Câu 20.** “Các hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ các tác nhân gây ra biến đổi khí hậu” – đó là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Ứng phó với biến đổi khí hậu. B. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

C. Thích ứng với biến đổi khí hậu. D. Phòng chống biến đổi khí hậu.

**Câu 21.** Để ứng phó với biến đổi khí hậu chúng ta cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp

A. khai thác hợp lí và tích cực trồng rừng.

B. giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

C. khai thác hợp lí và sử dụng tiết kiệm tài nguyên.

D. giảm nhẹ biến đổi khí hậu và tăng cường bảo vệ rừng.

**Câu 22.** Để giảm nhẹ biến đổi khí hậu, chúng ta cần

A. sử dụng tiết kiệm năng lượng. B. thay đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng.

C. nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng. D. rèn luyện các kĩ năng ứng phó với thiên tai.

**Câu 23.**Nội dung nào sau đây **không**phản ánh đúng giải pháp giúp giảm nhẹ biến đổi khí hậu?

A. Sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng. B. Bảo vệ rừng, trồng và bảo vệ cây xanh.

C. Cải tạo, tu bổ và nâng cấp hạ tầng vận tải. D. Giảm thiểu và xử lí rác thải, chất thải.

**Câu 24.** Để thích ứng với biến đổi khí hậu, chúng ta cần

A. rèn luyện các kĩ năng ứng phó với thiên tai.

B. sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.

C. sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

D. giảm thiểu và xử lí rác thải, chất thải.

**Câu 25.** Nội dung nào sau đây **không**phản ánh đúng giải pháp giúp thích ứng với biến đổi khí hậu?

A. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất.

B. Cải tạo, tu bổ và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng.

C. Sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.

D. Thay đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi.

**Câu 26.** Đặc điểm chung của sinh vật Viêt Nam là

A. tương đối nhiều loài. B. khá nghèo nàn về loài.

C. nhiều loài, ít về gen. D. phong phú và đa dạng.

**Câu 27.** Rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp thuộc hệ sinh thái nào sau đây?

A. Hệ sinh thái nông nghiệp. B. Hệ sinh thái tự nhiên.

C. Hệ sinh thái công nghiệp. D. Hệ sinh thái nguyên sinh.

**Câu 28.** Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái nào sau đây ngày càng mở rộng?

A. Hệ sinh thái nông nghiệp. B. Hệ sinh thái tre nứa.

C. Hệ sinh thái nguyên sinh. D. Hệ sinh thái ngập mặn.

**Câu 29**. Hệ sinh thái nông nghiệp phát triển chủ yếu ở vùng nào sau đây?

A. Cao nguyên. B. Trung du. C. Đồng bằng. D. Miền núi.

**Câu 30.** Khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên ở nước ta là vườn quốc gia nào sau đây?

A. Ba Bể. B. Ba Vì. C. Bạch Mã. D. Cúc Phương.

**Câu 31.**Trong tự nhiên ở nước ta đã phát hiện khoảng bao nhiêu loài sinh vật?

A. 50000. B. 40000. C. 45000. D. 55000.

**Câu 32.**Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái nhân tạo?

A. Đồng ruộng, rừng trồng. B. Rừng nhiệt đới gió mùa.

C. Rừng ngập mặn, cỏ biển. D. Rạn san hô, rừng ôn đới.

**Câu 33.**Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái tự nhiên trên cạn?

A. Rừng ngập mặn, cỏ biển. B. Rừng mưa nhiệt đới.

C. Đầm phá ven biển. D. Rạn san hô, rừng ôn đới.

**Câu 34.**Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái tự nhiên dưới nước?

A. Trảng cỏ, cây bụi. B. Rừng mưa nhiệt đới.

C. Rừng nhiệt đới gió mùa. D. Rừng ngập mặn, cỏ biển.

**Câu 35.**Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái nhân tạo?

A. Vùng chuyên canh. B. Đầm phá ven biển.

C. Rừng mưa nhiệt đới. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 36.**Sự phong phú, đa dạng của sinh vật Việt Nam **không**được thể hiện ở yếu tố nào sau đây?

A. Đa dạng về thành phần loài. B. Đa dạng về nguồn gen.

C. Chỉ có hệ sinh thái nhân tạo. D. Đa dạng về kiểu hệ sinh thái.

**Câu 37.** Nội dung nào sau đây **không**phản ánh đúng về sự suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam?

A. Mở rộng phạm vi phân bố của các loài sinh vật.

B. Suy giảm số lượng cá thể, loài sinh vật.

C. Suy giảm nguồn gen.

D. Suy giảm hệ sinh thái.

**Câu 38.** Nội dung nào sau đây là biểu hiện của sự suy giảm về số lượng cá thể và loài sinh vật ở Việt Nam?

A. Phạm vi phân bố loài tăng nhanh. B. Nhiều hệ sinh thái rừng bị phá hủy.

C. Nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng. D. Xuất hiện nhiều loài mới do lai tạo.

**Câu 39.** Nguyên nhân tự nhiên nào dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam?

A. Hoạt động khai thác lâm sản của con người.

B. Biến đổi khí hậu với các hệ quả: bão, lũ, hạn hán,...

C. Hoạt động đánh bắt thủy sản quá mức.

D. Tình trạng đốt rừng làm nương rẫy.

**Câu 40.**Để bảo tồn đa dạng sinh học, chúng ta **không nên**thực hiện hành động nào sau đây?

A. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên. B. Trồng rừng và bảo vệ rừng tự nhiên.

C. Xử lí chất thải sinh hoạt và sản xuất. D. Săn bắt động vật hoang dã trái phép.

**Câu 41.** Vùng biển của Việt Nam **không** giáp với vùng biển của quốc gia nào dưới đây?

A. Xin-ga-po. B. Phi-lip-pin. C. Đông Ti-mo. D. Ma-lai-xi-a.

**Câu 42.** Biển Đông có diện tích khoảng

A. 3,24 triệu km2. B. 3,43 triệu km2. C. 3,34 triệu km2. D. 3,44 triệu km2.

**Câu 43.** Vùng biển của Việt Nam có diện tích khoảng

A. 1,0 triệu km2. B. 1,1 triệu km2. C. 1,2 triệu km2. D. 1,3 triệu km

**Câu 44.** Biển Đông trải rộng từ khoảng vĩ độ

A. 4°N đến vĩ độ 26°B. B. 3°N đến vĩ độ 27°B.

C. 3°N đến vĩ độ 26°B. D. 4°N đến vĩ độ 27°B.

**Câu 45.** Vùng biển của Việt Nam thông qua hai đại dương lớn nào dưới đây?

A. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương. B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

C. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

**Câu 46.** Vùng biển Việt Nam không có bộ phận nào sau đây?

A. Nội thủy. B. Thềm lục địa. C. Lãnh hải. D. Các đảo.

**Câu 47.** Đường cơ sở là căn cứ để xác định

A. vị trí địa lí, độ sâu của lãnh hải và các vùng biển khác.

B. giới hạn, chiều rộng của lãnh hải và các vùng biển khác.

C. độ sâu, chiều rộng của lãnh hải và các vùng biển khác.

D. phạm vi, chiều rộng của lãnh hải và các vùng biển khác.

**Câu 48.** Vùng biển nào sau đây được coi là một bộ phận của lãnh thổ ở nước ta?

A. Lãnh hải. B. Tiếp giáp lãnh hải. C. Nội thủy. D. Thềm lục địa.

**Câu 49.** Đường biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam nằm ở

A. ranh giới ngoài của nội thủy. B. ranh giới của thềm lục địa.

C. ranh giới ngoài của lãnh hải. D. ranh giới đặc quyền kinh tế.

**Câu 50.** Vùng biển của Việt Nam nằm trong khí hậu nào dưới đây?

A. Cận nhiệt gió mùa. B. Ôn đới gió mùa. C. Nhiệt đới gió mùa. D. Xích đạo ẩm.

**Câu 51.** Trên Biển Đông gió Đông Bắc thổi trong thời gian khoảng từ

A. tháng 11 đến tháng 4. B. tháng 10 đến tháng 4.

C. tháng 4 đến tháng 10. D. tháng 11 đến tháng 5.

**Câu 52.** Chế độ nhiệt trên Biển Đông

A. mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.

B. mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.

C. mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

D. mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

**Câu 53.** Địa hình ven biển nước ta

A. khá đơn điệu. B. chỉ có các đảo. C. rất đa dạng. D. chủ yếu là vịnh.

**Câu 54.** Địa hình thềm lục địa ở miền Nam nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Hẹp và sâu. B. Bằng phẳng. C. Rộng, nông. D. Nông và hẹp.

**Câu 55.** Nhận định nào sau đây đúng với môi trường nước biển?

A. Chất lượng nước biển ven bờ còn khá tốt. B. Vùng ven biển nước ta nhiều dạng địa hình.

C. Các hệ sinh thái ở bờ biển rất phong phú. D. Nhìn chung các đảo chưa bị tác động nhiều.

**Câu 56.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện vai trò của biển đảo đối với kinh tế nước ta?

A. Vai trò trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc. B. Là nơi cư trú, nhiều hoạt động của dân cư.

C. Đóng góp đáng kể vào GDP của đất nước. D. Có nhiều cảnh quan đẹp phát triển du lịch.

**Câu 57.**Một trong những yếu tố nhân tạo của môi trường biển là

A. các công trình xây dựng nằm ven biển. B. đa dạng sinh học biển.

C. bờ biển và đáy biển. D. nước biển và đa dạng sinh học biển.

**Câu 58.**So với môi trường trên đất liền, môi trường biển đảo có điểm gì khác biệt?

A. Có thể chia cắt được. B. Môi trường đảo dễ bị suy thoái hơn.

C. Môi trường đảo khó bị suy thoái hơn. D. Không chịu sự tác động của con người.

**Câu 59.**Để bảo vệ môi trường biển đảo, chúng ta **không nên**thực hiện giải pháp nào sau đây?

A. Xây dựng cơ chế, chính sách, luật bảo vệ môi trường biển đảo.

B. Khai thác trái phép và sử dụng quá mức các tài nguyên biển đảo.

C. Áp dụng thành tựu khoa học công nghệ để kiểm soát môi trường biển đảo.

D. Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường biển đảo.

**Câu 60.** Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là

A. Vịnh Hạ Long. B. Vịnh Vân Phong. C. Vịnh Cam Ranh. D. Vịnh Nha Trang.

**Câu 61.** Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta đứng thứ mấy trên thế giới?

A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

**Câu 62.** Hầu hết các diện tích chứa dầu đều nằm trên

A. thềm lục địa với độ sâu không lớn. B. vùng biển đảo với sâu và xa với bờ.

C. các quần đảo lớn và vùng nội thủy. D. vùng núi sâu nhưng khá gần với bờ.

**Câu 63.** Các cánh đồng muối lớn ở nước ta tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

A. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Nam Trung Bộ và Nam Bộ. D. Đông Nam Bộ và Bắc Bộ.

**Câu 64.** Ở ven biển nước ta có tiềm năng rất lớn về năng lượng nào sau đây?

A. Điện gió và thủy triều. B. Thủy điện và nhiệt điện.

C. Thủy triều và thủy điện. D. Chỉ có điện Mặt Trời.

**Câu 65.**Nội dung nào sau đây **không đúng**khi phản ánh đúng về tài nguyên biển và thềm lục địa của Việt Nam?

A. Sinh vật vùng biển Việt Nam phong phú, có tính đa dạng cao.

B. Dầu mỏ và khí tự nhiên tập tring ở các bể trong vùng thềm lục địa.

C. Vùng biển Việt Nam không thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu.

D. Vùng biển, đảo của Việt Nam rất giàu tiềm năng phát triển du lịch.

**Câu 66.**Bãi biển Mỹ Khê là địa điểm du lịch thuộc thành phố nào của Việt Nam?

A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Cần Thơ. D. Đà Nẵng.

**Câu 67.**Nội dung nào sau đây **không**phản ánh đúng các điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển du lịch biển?

A. Bờ biển dài, có nhiều bãi cát, vịnh, hang động đẹp.

B. Hệ sinh thái biển phong phú, đa dạng.

C. Có 30 trên tổng số 63 tỉnh/ thành phố giáp với biển.

D. Khung cảnh thiên nhiên các đảo đa dạng.

**Câu 68.**Theo đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chất lượng nước biển xa bờ ở Việt Nam

A. bị suy thoái nghiêm trọng. B. không đạt tiêu chuẩn cho phép.

C. có nhiều biến động qua các năm. D. đạt chuẩn, tương đối ổn định và ít biến động.

**Câu 69.**Hiện nay, chất lượng môi trường nước biển của Việt Nam

A. đạt chuẩn cho phép, ổn định và không có sự biến đổi qua các năm.

B. có xu hướng giảm do tác động của con người và biến đổi khí hậu.

C. được cải thiện rõ rệt do không chịu tác động từ sự biến đổi khí hậu.

D. có xu hướng tăng do người dân có ý thức cao trong bảo vệ môi trường.

………………………………………………..

**Câu 1:** Đâu là biểu hiện của thoái hóa đất?

A.Đất trở nên giàu dinh dưỡng

B.Nguy cơ hoang mạc hóa giảm

C.Diện tích đất phèn, đất mặn có xu hướng ngày càng giảm

D.Diện tích đất phèn, đất mặn có xu hướng ngày càng tăng

**Câu 2:** Diện tích đất bị thoái hoá ở Việt Nam chiếm khoảng bao nhiêu diện tích cả nước?

A.20% diện tích B.40% diện tích C.10% diện tích D.30% diện tích

**Câu 3:**  Đất phù sa được hình thành do?

A.Sự tác động của con người

B.Xác vi sinh vật hình thành

C.Sản phẩm bồi đắp của sự phù sa, các hệ thống sông và phù sa biển

D.Đáp án khác

**Câu 4:** Đất Feralit có màu?

A.Cam B.Nâu C.Đỏ vàng D.Vàng cam

**Câu 5:** Nhóm đất mùn trên núi phân bố rải rác ở?

A.Các vùng núi có độ cao khoảng 1700 đến 1800 m trở lên

B.Các vùng núi có độ cao khoảng 1600 đến 1700 m trở xuống

C.Các vùng núi có độ cao khoảng 1500 đến 1600 m trở lên

D.Các vùng núi có độ cao khoảng 1600 đến 1700 m trở lên

**Câu 6:** Nhóm đất feralit hình thành ở độ cao?

A.Từ độ cao 1700 đến 1800m trở xuống B.Từ độ cao 1600 đến 1700m trở lên

C.Từ độ cao 1600 đến 2000m trở xuống D.Từ độ cao 1600 đến 1700m trở xuống

**Câu 7.:** Nhóm đất feralit phân bố chủ yếu ở?

A.Tây nguyên B.Đồng bằng Nam Bộ

C.Đồng bằng Bắc Bộ D.Các tỉnh trung du và miền núi

**Câu 8:** Hệ sinh thái rừng ngập mặn phân bố:

A.Rộng khắp trên cả nước. B.Vùng đồi núi

C.Vùng đồng bằng D.Vùng đất bãi triều cửa sông, ven biển, ven các đảo

**Câu 9:** Sinh vật Việt Nam đa dạng thể hiện?

A.Có nhiều loài động thực vật quý hiếm

B.Có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quôc gia

C.Có nhiều sinh vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam

D.Sự đa dạng về thành phần loài, về gen di truyền, về kiểu hệ sinh thái, và về công dụng của các sản phẩm sinh học

**Câu 10:** Vì sao thảm thực vật rừng ở Việt Nam rất đa dạng về kiểu hệ sinh thái?

A.Sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.

B.Vị trí nằm ở nơi giao lưu của các luồng di cư sinh vật.

C.Địa hình đồi núi chiểm ưu thế và phân hóa phức tạp.

D.Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, phân hóa phức tạp với nhiều kiểu khí hậu.

**Câu 11:** Đặc điểm chung của sinh vật Viêt Nam:

A.Nghèo nàn B.Tương đối nhiều C.Nhiều loại D.Phong phú và đa dạng

**Câu 12:**  Vùng đất bãi triều cửa sông, ven biển thuận lợi cho sự phát triển của hệ sinh thái

A.Rừng thưa rụng lá B.Rừng tre nứa C.Rừng ngập mặn D.Rừng kín thường xanh.

**Câu 13:** Rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp thuộc hệ sinh thái:

A.Hệ sinh thái nông nghiệpB.Hệ sinh thái tự nhiên

C.Hệ sinh thái nguyên sinh D.Hệ sinh thái công nghiệp

**Câu 14:** Khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên ở nước ta là vườn quốc gia:

A.Bạch Mã B.Ba Bể C.Ba Vì D. Cúc Phương

**Câu 15:** Sự đa dạng và phong phú của sinh vật Việt Nam không thể hiện ở:

A.Kiểu hệ sinh thái B.Thành phần loài

C.Phân bố rộng khắp trên cả nước D**.**Gen di truyền

**Câu 16:** Hệ sinh thái nông nghiệp phát triển chủ yếu ở vùng:

A.Trung du B.Đồng bằng C.Cao nguyên D.Miền núi

**Câu 17:** Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa nước ta phát triển ở:

A.Vùng đồi núi B.Vùng khô hạnC**.** Vùng đồng bằngD**.** Vùng nóng ẩm

**Câu 18:** Đặc điểm của tài nguyên sinh vật nước ta:

A.Tài nguyên sinh vật nước ta khá nghèo nàn.

B.Tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú đang dạng, đây là tài nguyên vô tận.

C.Tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú đang dạng, nên không cần phải bảo vệ.

D.Tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú đang dạng nhưng không là tài nguyên vô tận**.**

**Câu 19:**  Nguyên nhân nào làm suy giảm tài nguyên sinh vật nước ta?

A.Quản lý và bảo vệ kém. B.Khai thác quá mức.

C.Chiến tranh hủy diệt. D.Tất cả đều đúng**.**

**Câu 20:** Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm tài nguyên động vật của nước ta

A.Các loài động vật tự triệt tiêu nhau.

B.Do các loài sinh vật tự chết đi.

C.Do con người săn bắt quá mức, thu hẹp môi trường sống của sinh vật.

D.Do các loài di cư sang các khu vực khác trên thế giới.

**Câu 21:** Nguyên nhân làm suy giảm tài nguyên rừng của nước ta

A.Chiến tranh phá hoại B.Khai thác quá mức, đốt rừng làm nương rẫy.

C.Quản lý bảo vệ còn kém D.Cả 3 ý trên.

**Câu 22:** Nguồn tài nguyên nước ta phong phú, đa dạng và có khả năng:

A.Phục hồi và phát triển. B**.**Giảm sút và không thể phục hồi.

C.Tái tạo nhưng ít có giá trị về kinh tế. D.Tất cả đều sai.

**Câu 23:** Tính đa dạng sinh học ở Việt Nam ngày càng bị suy giảm nghiêm trọng ở các mặt?

A.Suy giảm số lượng cá thể, loài sinh vật B. Suy giảm hệ sinh thái

C.Suy giảm hệ sinh thái D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 24:** Tính đa dạng sinh học ở Việt Nam có xu hướng?

A.Ngày càng tăng cao B. Giảm nhẹ

C.Ngày càng bị suy giảm nghiêm trọng D**.**Đáp án khác

**Câu 25:** Các loài thực vật và động vật quý hiếm ở nước ta là?

A.Trầm hương, trắc, sâm Ngọc Linh, B.Gỗ đỏ, cẩm lai, vàng tâm,..

C.Sao la, voi, bò tót, hươu xạ,… D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 26:** Việt Nam là một trong 16 quốc gia sở hữu sự đa dạng sinh học cao nhất thế giới với bao nhiêu loài đã được xác định?

A. 60.000 loài B.40.000 loài C.Hơn 50.000 loài D.55.000 loài

**Câu 27:** Vùng biển Việt Nam là một phần của?

A.Biển Xu-lu B.Biển Xu-la-vê-di C.Bắc băng Dương D.Biển Đông

**Câu 28:** Bờ biển Việt Nam dài ?

A.3.220 km B. 3.360km C.3.620km D.3.260km

**Câu 29:** Biển Việt Nam gồm?

A.Vùng nội thủy, lãnh hải B.Vùng đặc quyền kinh tế

C.Thềm lục địa D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 30:** Đâu không phải đặc điểm của biển Đông?

A.Biển Đông là một biển nửa kín B.Nằm ở rìa Tây Thái Bình Dương

C.Biển lớn thứ 3 thế giới D.Lớn thứ 1 ở Thái Bình Dương

**Câu 31:**  Biển Đông có diện tích khoảng??

A.3,43 triệu km2 B.3,45 triệu km2 C.3,54 triệu km2 D.3,44 triệu km2

**Câu 32:** Biển Đông có vịnh lớn nào đưới đây?

A.Vịnh Thái Lan B.Vịnh Bắc Bộ

C.Cả hai đáp án trên đều đúng D**.**Đáp án khác

**Câu 33:** Nước nào dưới đây chung Biển Đông với Việt Nam?

A.Trung Quốc B.Phi-lip-pin C.In-đô-nê-xi-a D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 34:** Nước nào dưới đây không chung Biển Đông với Việt Nam?

A.Cam-pu-chia B.Ma-lay-xia C.Hàn Quốc D.Thái Lan

**Câu 35:** Đáp án nào thuộc các dạng địa hình ven biển ?

A.Vịnh cửa sông B.Bờ biển mài mòn, tam giác châu

C.Các bãi cát phẳng, cồn cát, đầm phá, vũng vịnh nước sâu,...

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 36:** Địa hình thềm lục địa có đặc điểm?

A.Có sự tiếp nối với địa hình trên đất liền B.Nông và bằng phẳng ở phía bắc và phía nam

C.Hẹp và sâu ở miền Trung D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 37:** Đảo ven bờ có diện tích lớn nhất ở nước ta là ?

A.Phú Quốc B.Cát Bà C.Phú Quý D.Cô Tô

**Câu 38:** Vùng biển đảo nước ta mang tính chất?

A.Xích đạo ẩm B.Bán hoang mạc C.Nhiệt đới gió mùa D.Đáp án khác

**Câu 39:** Nhiệt độ bề mặt nước biển trung bình năm là?

A.Dưới 23°C B.Trên 23°C C.Trên 24°C D.Dưới 25°C

**Câu 40:** Đặc điểm khí hậu vùng biển đảo nước ta là?

A.Nhiệt độ giữa các vùng biển ít chênh lệch vào mùa hạ

B.Mùa đông nhiệt độ giảm khá nhanh từ vùng biển phía nam lên vùng biển phía bắc

C.Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở vùng biển đảo nhỏ hơn trên đất liền

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 41:** Hướng gió của vùng biển có đặc điểm?

A.Thay đổi theo mùa , mạnh hơn trên đất liền rõ rệt

B.Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, gió mùa mùa đông và Tín phong có hướng đông bắc chiếm ưu thế

C.Từ tháng 5 đến tháng 9, gió mùa hướng đông nam chiếm ưu thế

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 42:** Lượng mưa trên biển như thế nào?

A.Nhỏ hơn trên đất liền B.Khoảng trên 1 100 mm/năm

C.Các đảo có lượng mưa lớn hơn D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 43:** Vùng biển nước ta là nơi ?

A.Có khí hậu mát mẻ B.Ít khi xảy ra thiên tai

C.Chịu nhiều thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc,...D**.**Đáp án khác

**Câu 44:** Trung bình mỗi năm có bao nhiêu cơn bão trực tiếp đổ bộ vào vùng biển Việt Nam?

A.4 - 6 cơn bão B.3 - 5 cơn bão C.4 - 5 cơn bão D.3 - 4 cơn bão

**Câu 45:** Độ muối trung bình của vùng biển nước ta là?

A.33%0 - 34%0 B.31%0 - 32%0 C.30%0 - 31%0 D. 32%0 - 33%0

**Câu 46:** Dòng biển ven bờ có đặc điểm?

A.Có sự thay đổi theo mùa, cả về hướng chảy và cường độ

B.Mùa đông, dòng biển có hướng đông bắc - tây nam; mùa hạ, dòng biển chảy theo hướng ngược lại, là tây nam - đông bắc.

C.Dòng biển mùa đông chảy mạnh hơn dòng biển mùa hạ

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 47:** Chế độ thuỷ triều rất đa dạng gồm?

ANhật triều đều B.Nhật triều không đều

C.Bán nhật triều và bán nhật triều không đều D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 48:** Nguyên nhân chủ yếu làm ô nhiễm môi trường biển – đảo của nước ta hiện nay là do

A.Khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản. B. Khai thác dầu khí ở thềm lục địa.

C.Hoạt động công nghiệp, sinh hoạt của con người. D**.**Hoạt động du lịch.

**Câu 49.** Đâu không phải là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành vận tải đường biển của nước ta?

A.Nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng.

B.Ven biển có nhiều vũng vịnh rộng, kín gió.

C.Có nhiều đảo, quần đảo ven bờ.

D.Có nhiều bãi triều, đầm phá ven biển

**Câu 50:** Phần lớn các đảo ven bờ đều có điều kiện thích hợp để phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

A.Du lịch, ngư nghiệp**.** B.Khai thác khoáng sản biển, ngư nghiệp.

C.Vận tải biển, khai thác khoáng sản biển. D.Nông – lâm nghiệp.

**Câu 51:** Ô nhiễm môi trường biển - đảo xảy ra nghiêm trọng nhất ở

A.Các khu du lịch biển. B. Các thành phố cảng, nơi khai thác dầu.

B.Đảo ven bờ. C.Các cửa sông.

**Câu 52:** Tài nguyên dầu khí phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía nam của khu vực

A.Duyên hải Nam Trung Bộ. B.Đông Nam Bộ.

C.Bắc Trung Bộ. D.Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 53:** Tài nguyên và môi trường vùng biển Việt Nam hiện nay:

A.Các hoạt động khai thác dầu khí không ảnh hưởng đến môi trường vùng biển

B.Môi trường vùng biển Việt Nam rất trong lành

C.Các hoạt động du lịch biển không gây ô môi trường vùng biển

D.Một số vùng biển ven bờ đã bị ô nhiễm

**Câu 54:** Khoáng sản ở vùng biên Việt Nam

A.Than đá B.Sắt C.Thiếc D.Dầu khí

**Câu 55:** Chế độ nhiệt trên biển Đông

A.Mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.

B.Mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.

C.Mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

D.Mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

**Câu 56:** Thành phần tự nhiên nào ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất của Biển Đông?

A.Sinh vật B.Địa hình C.Khí hậu D.Cảnh quan ven biển

**Câu 57:** Tài nguyên thiên nhiên vùng biển có ý nghĩa lớn nhất đối với đời sống của cư dân ven biển là:

A.Tài nguyên du lịch biển. B.Tài nguyên khoáng sản.

C.Tài nguyên hải sản**. D.**Tài nguyên điện gió.

**Câu 58:** Chế độ thuỷ triều của vịnh Bắc Bộ thuộc loại:

A.Nhật triều không đều                    B.Bán nhật triều đều

C.Nhật triều đều                          D.Bán nhật không đều triều đều

**Câu 59:** Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là:

A.Vịnh Hạ Long         B.Vịnh Nha Trang C.Vịnh Văn Phong           D.Vịnh Cam Ranh

**Câu 60:** Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất của vùng biển nước ta là:

A.Muối B.Sa khoáng C.Cát D.Dầu khí

**Câu 61:** Vùng biển Việt Nam có thuận lợi để?

A.Xây dựng các cảng nước sâu B.Phát triển giao thông vận tải biển

C.Cả hai đáp án trên đều đúngD.Đáp án khác

**Câu 62:** Tài nguyên khoáng sản biển có giá trị nhất là?

A.Ti-tan B.Cát thủy tinh C.Muối D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 63:** Trong quá trình sử dụng tài nguyên nước cần?

A.Sử dụng bừa bãi B.Chú ý đến vấn đề bảo vệ chất lượng nguồn nước**.**

C.Ngăn chặn các hành vi bảo vệ nguồn nước D.Tất cả đều sai.

**Câu 64:** Những hành động mà em có thể làm để góp phần bảo vệ môi trường biển đảo là?

A.Tham gia các hoạt động làm sạch bờ biển, giữ gìn môi trường sinh thái,... nhằm giảm thiểu sự suy thoái, ô nhiễm môi trường biển và trên các đảo

B.Đấu tranh với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển đảo trái với quy định của pháp luật

C.Rèn luyện kĩ năng để thích ứng với các thiên tai và sự cố xảy ra trong vùng biển đảo

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 65:** Để bảo vệ môi trường biển đảo cần?

A.Xây dựng cơ chế chính sách, luật bảo vệ môi trường biển đảo

B.Áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ để kiểm soát và xử lí vấn đề môi trường biển đảo;

C.Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và cải thiện môi trường biển đảo,...

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 66:** Vì sao chất lượng môi trường nước biển có xu hướng giảm?

A.Chịu tác động mạnh của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven bờ

B.Chịu tác động của biến đổi khí hậu

C.Nước biển dâng

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 67:** Chất lượng môi trường nước biển có xu hướng?

A.Tăng mạnh B.Giảm mạnh C.Giảm D.Tăng